

Bản án số: 50/2026/HS-ST
Ngày 27 - 3 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoài Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi

Ông Vũ Xuân Dụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Chuẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2026/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thanh T, sinh năm 2000 tại tỉnh Ninh Bình; Căn cước số 0372000018xx cấp ngày 24/12/2024 của Bộ C1; Nơi cư trú: thôn F, xã K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thị Kim D; chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 05/6/2025 đến ngày 13/6/2025 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh N cho đến nay (có mặt).

2. Trần Văn H1, sinh năm 1998 tại tỉnh Ninh Bình; Căn cước công dân số 0370980015xx cấp ngày 03/3/2022 của Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C1; Nơi cư trú: xóm A, xã Q, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Q (đã chết) và bà Trần Thị O; chưa có vợ; tiền sự: Không; tiền án: có 01 tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 25/3/2020 của Toà án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hoà xử phạt Trần Văn H1 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 12 tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 542/2019/HS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 năm 03 tháng tù. Tại bản án này xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” và nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/11/2021, nhưng chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm; nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2017/HS-ST ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xử phạt Trần Văn H1 07 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 175.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo đã nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm xong ngày 25/7/2017 và chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/12/2017.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 542/2019/HS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An xử phạt Trần Văn H1 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 307.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo đã nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm xong ngày 07/4/2020.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 05/6/2025 đến ngày 13/6/2025 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh N cho đến nay (có mặt)

3. Nguyễn Đức T1, sinh năm 1980 tại tỉnh Ninh Bình; Căn cước công dân số 0370800028xx của Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C1; Nơi cư trú: số nhà C, ngõ H đường N, tổ dân phố T, phường H, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: nguyên Giám đốc Trung tâm dịch vụ nông nghiệp tỉnh N; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Bí thư chi bộ Trung tâm dịch vụ nông nghiệp tỉnh N đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 117/QĐ/UBKTHU ngày 16/6/2025 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy Y, tỉnh Ninh Bình; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T2 và bà Phạm Thị Kim T3; có vợ Nguyễn Thị D1 (đã ly hôn) và 02 con, tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 05/6/2025 đến ngày 13/6/2025 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh N cho đến nay (có mặt).

4. Hoàng Thị L, sinh năm 2002 tại tỉnh Hưng Yên; Căn cước công dân số 0333020042xx cấp ngày 25/4/2021 của Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C1; Nơi cư trú: ấp K, xã V, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Không;

quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T4 (đã chết) và bà Vũ Thị H2; có chồng Nguyễn Thành T5 (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh ngày 05/01/2026; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 05/6/2025 đến ngày 13/6/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Cháu Quách Huyền D2, sinh ngày 04/11/2008; Nơi cư trú: Thôn A, Đ, xã C, tỉnh Thanh Hóa (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của cháu Quách Huyền D2: anh Quách Văn Q1, sinh năm 1981 hoặc chị Bùi Thị K, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn A, Đ, xã C, tỉnh Thanh Hóa, nghề nghiệp làm ruộng, là bố, mẹ đẻ của cháu D2 (có mặt)

+ Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 2002; Nơi cư trú: thôn P, T, xã M, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

+ Anh Phan Văn H3, sinh năm 1973; Nơi cư trú: thôn F, xã Y, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt)

+ Chị Hoàng Thị T6, sinh năm 2001; Nơi cư trú: đội A, thôn K, xã T, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt)

+ Anh Trần Hải D3, sinh năm 1995; Nơi cư trú: thôn A, xã Y, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Anh Lê Hoài Minh Q2 (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 03/6/2025, Nguyễn Đức T1 rủ Phan Văn H3 đến quán K4 địa chỉ xóm A, xã K, tỉnh Ninh Bình để hát karaoke. Khi đến quán T1 gặp Nguyễn Thanh T là quản lý của quán K4, T1 bảo T gọi 02 nhân viên nữ phục vụ rót bia, bấm bài, T đồng ý và sắp xếp phòng VIP 203 cho T1. Lúc này T1 nảy sinh ý định sử dụng ma túy trong phòng hát nên T1 nhờ Lê Hoài Minh Q2 (là nhân viên của quán) gọi T lên phòng gặp T1 mục đích hỏi T có ma túy bán không, để T1 cùng bạn sử dụng trong phòng hát. Khi T lên phòng VIP 203 thì T1 nói với T “*Mày gọi giúp anh hai viên một chỉ*”, T hiểu ý T1 hỏi mua 02 viên ma túy K1 và 01 chỉ ma túy Ke, T nói “*Anh chờ em một chút, em gọi xem có không?*”. T đi xuống quầy lễ tân gọi 02 nhân viên của quán là Quách Huyền D2 và Nguyễn Thị L1 đến phòng VIP 203 phục vụ khách.

Do có sẵn 02 viên ma túy Kẹo được người khác cho chưa sử dụng đang để trong túi quần nên T nảy sinh ý định bán cho T1 với giá 700.000 đồng do đó

T đã lấy 02 viên ma túy Kẹo này mang lên phòng VIP 203 đưa cho T1, T1 đưa cho T số tiền 1.000.000 đồng và nói “*Anh đưa trước tý anh thanh toán sau*”, T hiểu ý T1 trả trước một phần tiền mua ma túy sau đó thanh toán hết bao nhiêu T1 sẽ trả nốt. Quá trình làm quản lý của quán T có quen biết với Trần Văn H1 và biết H1 có bán ma túy nên T thống nhất với H1 khi khách có nhu cầu lấy ma túy để sử dụng, T sẽ gọi điện cho H1 để H1 mang ma túy đến quán bán cho T, sau đó T bán cho khách. T và H1 thống nhất mua bán với giá 900.000 đồng/01 chỉ ma túy Ke và 250.000 đồng/01 viên ma túy Kẹo, sau đó T bán lại cho khách với giá 900.000 đồng/01 chỉ ma túy K2 và 350.000 đồng /01 viên ma túy Kẹo. T sử dụng tài khoản Zalo “Nguyễn Thanh T” (đăng ký bằng số điện thoại 0972.695.797 của T) nhắn tin đến tài khoản Zalo “Ninh Bình” (là tài khoản của Trần Văn H1, đăng ký bằng số điện thoại 0967.846.323 của H1) nội dung “*Cầm a 1k nào*” ý T hỏi mua 01 chỉ ma túy Ke, H1 nhắn lại “*ok, ở đâu anh*”, T nhắn “*Cầm lên 203*”. Do T có sẵn 02 viên ma túy K1 đang giấu ở túi quần nên T mang 02 viên ma túy Kẹo lên phòng VIP 203 đưa cho T1.

Sau khi nhận được điện thoại của T do đang sẵn có trong người 02 chỉ ma túy K2 nên H1 đi taxi đến quán K4 đưa cho T 01 túi ma túy Ke được gói trong tờ giấy vệ sinh màu trắng, T cầm gói ma túy này mang lên phòng VIP 203 đưa cho T1. Sau đó T sử dụng tài khoản của mình (mang tên Nguyễn Thanh T số tài khoản 9233333393333 Ngân hàng TMCP Q3) chuyển cho H1 số tiền 900.000 đồng vào tài khoản số 0985411283 Ngân hàng TMCP Q3 để trả tiền mua 01 chỉ ma túy Ke trên. Sau khi lấy 02 viên ma túy K1 do T bán, T1 bẻ 01 viên ma túy ra làm đôi, T1 sử dụng $\frac{1}{2}$ viên bằng cách cho vào miệng nuốt vào cơ thể, đưa $\frac{1}{2}$ viên cho H3 sử dụng, viên ma túy còn lại T1 để lại trong túi quần.

Khi hai nhân viên nữ là Nguyễn Thị L1 và Quách Huyền D2 vào phòng VIP 203 để phục vụ thì T1 lấy viên ma túy K1 còn lại bẻ làm hai phần đưa cho L1 và D2 mỗi người $\frac{1}{2}$ viên. Do không có nhu cầu sử dụng ma túy nên L1 đã trả lại $\frac{1}{2}$ viên ma túy Kẹo cho T1, T1 cầm $\frac{1}{2}$ viên ma túy này để ở kệ bàn trong phòng còn D2 do chưa sử dụng nên đã mang $\frac{1}{2}$ viên ma túy T1 đưa vào nhà vệ sinh (tầng 2) cất ở kệ tường rồi quay lại phòng VIP 203 rót bia, hát cùng T1, H3, Là. Một lúc sau T1 đưa túi ma túy Ke cho L1 và nói “*em xào đi*”, Là đặt túi ma túy đó xuống bàn và nói “*em không biết xào*” nên H3 nói với L1 đổi nhân viên nữ khác. Là đi xuống báo cho T biết. T gọi Hoàng Thị L đến quán phục vụ khách thay Là. Khi Hoàng Thị L vào phòng VIP 203, T1 vẫy tay gọi L đến chỗ T1 và chỉ cho L chỗ để ma túy Kẹo ở kệ bàn, L thấy có $\frac{1}{2}$ viên ma túy Kẹo nên cầm lấy cho vào miệng nhưng do đang bị đau dạ dày nên L lại nhả ra tờ giấy vệ sinh, gói lại để trong túi xách của mình mục đích khi hết đau dạ dày thì sẽ sử

dụng tiếp. Tiếp đó T1 vẫy tay gọi L rồi chỉ xuống mặt bàn, L đến vị trí T1 chỉ cầm chai nước lên thì thấy ở mặt bàn có 01 túi nilon bên trong có chất tinh thể màu trắng là ma túy Ke, L hiểu ý T1 muốn L chuẩn bị đồ để sử dụng ma túy. L đi đến gian nhà kho tầng 2 của quán, lấy 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn mang vào phòng VIP 203, lấy giấy vệ sinh đốt hơi đĩa rồi lấy từ túi xách của L ra 01 thẻ và ống hút được cuộn bằng tờ tiền 10.000 đồng. L cầm túi ma túy Ke đổ hết ra đĩa, vỏ túi ném xuống nền phòng rồi lấy thẻ xào ma túy. Sau khi xào xong, L kẻ mỗi lần 02 đường K rồi bê đĩa ma túy này lần lượt đưa cho T1, H3 và D2 lấy ống hút hít ma túy bằng mũi. Sau đó L tiếp tục kẻ ra 03 đường Ke rồi tự cầm ống hút hít ma túy bằng mũi. Sau đó cả nhóm ngồi nghe nhạc. Lúc này D2 nói với L “*em có viên ma túy để ở ngoài nhà vệ sinh chị cầm giúp tý em chơi*”, L nói “*đâu đưa đây*” thì D2 ra nhà vệ sinh lấy ½ viên ma túy K1 giấu trước đó đưa cho L, L bỏ trong giấy vệ sinh rồi cất vào túi xách của mình.

Đến khoảng 01 giờ ngày 04/6/2025, T1 yêu cầu đổi nhân viên khác thay D2 nên D2 xuống quầy lễ tân báo cho T biết rồi đi về nhà trọ, T gọi cho Hoàng Thị T6 đến quán phục vụ cho khách thay cho D2. Lúc này thấy ma túy trên đĩa hết nên T1 nói với L “*gọi T lên*”, L xuống quầy lễ tân gọi T lên phòng, T lên phòng hát VIP 203 để gặp T1, T1 nói “*lấy giúp anh thêm một cái*” (ý T1 nói T lấy thêm 01 chỉ ma túy Ke nữa), T nói “*đợi em tý em xuống gọi*”, T đi xuống quầy lễ tân, nhắn tin qua Zalo cho H1 nội dung “*lấy cho em thêm 1k*” (ý T nói với H1 là mua thêm 01 chỉ ma túy Ke nữa), H1 nhắn lại “*OK*”. Sau đó H1 đi taxi đến quán K4 đưa cho T một gói giấy vệ sinh bên trong có 01 chỉ ma túy K2, T đưa cho H1 số tiền 800.000 đồng nói “*tao trả trước mày tám trăm, nợ một trăm*”, H1 đồng ý và đi về. Sau khi có ma túy, T nhắn tin Z cho L (tài khoản Zalo của L là “T” đăng ký bằng số điện thoại 0961.060.010 của L) nội dung “*xuống mà lấy này*”. L xuống cầu thang tầng 1 thì gặp T, tại đây T đưa cho L gói giấy vệ sinh bên trong có 01 chỉ ma túy Ke, L mang ma túy lên phòng VIP 203 đưa cho T1, T1 đưa lại gói ma túy này cho Linh mục Đ để L xào ma túy. L đổ túi ma túy ra đĩa rồi xào, sau đó L kẻ ma túy thành nhiều đường thẳng rồi bê đĩa ma túy cho T1 và H3 sử dụng, L cũng tự sử dụng 02 đường K rồi để đĩa có chứa ma túy trên mặt bàn. Một lúc sau Hoàng Thị T6 đi vào phòng, T1 chỉ tay vào đĩa ma túy và nói với T6 “*cứ chơi đi*”, T6 cầm đĩa ma túy K2 lên hít 01 đường lúc này còn một ít ma túy trên đĩa nên T6 để đĩa ma túy lại mặt bàn. Lúc sau T1 cầm đĩa ma túy lên sử dụng nốt số ma túy còn trên đĩa.

Thấy hết ma túy nên T1 nói với L “*không có gì chơi à*”, L hiểu ý T1 muốn có thêm ma túy để sử dụng nên nhắn cho T với nội dung “*1K*” (ý L bảo T cầm lên cho T1 01 chỉ ma túy K2), T nhắn lại “*lại phải đợi đấy, chơi nhanh*

vậy”. Sau đó T nhắn tin Z cho H1 nội dung “*lấy cho anh 1*” (ý T nói H1 mang thêm 01 chỉ ma túy Ke đến quán bán cho T), H1 nhắn lại “*ok*”. Hoá đi đến khu vực đường vành đai thuộc xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là xã K, tỉnh Ninh Bình) tìm người để mua ma túy nhưng không thấy người có ma túy bán nữa nên H1 đi đến quán K4 để báo cho T biết.

Hồi 02 giờ 10 phút ngày 04/6/2025, khi hết đau bụng Hoàng Thị L lấy 02 nửa viên ma túy Kẹo cất trong túi ra định sử dụng cho bản thân thì cùng thời điểm này tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh N phối hợp với Công an xã K vào kiểm tra quán K4. Thấy vậy L bỏ lại số ma túy Kẹo vào trong túi xách. Quá trình kiểm tra tổ công tác phát hiện tại phòng VIP 203 tầng 2 có: Nguyễn Đức T1, Phan Văn H3, Hoàng Thị L và Hoàng Thị T6 đang có biểu hiện sử dụng và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời điểm kiểm tra, Nguyễn Thanh T và Trần Văn H1 đang ở tầng 1 khu vực quây lễ tân.

Vật chứng thu giữ tại phòng VIP 203:

- Trên mặt bàn: 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng đường kính 12 cm, trên mặt đĩa bám dính chất bột màu trắng; 01 thẻ nhựa màu xanh dạng loại thẻ sim Vinaphone có kích thước (8,5 x 5) cm bám dính chất bột màu trắng; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng cuộn hình ống, cổ định hai đầu bằng vỏ đầu lọc thuốc lá dài 13,5 cm, đường kính 0,7 cm bám dính chất bột màu trắng. Tất cả được niêm phong vào phong bì ký hiệu K1.

- Tại nền nhà cạnh ghế phía bên phải hướng từ cửa phòng nhìn vào phát hiện 01 vỏ túi nilon màu trắng mép túi có đường chỉ màu đỏ có cùng kích thước (3 x 2,5) cm bên trong đều bám dính chất bột màu trắng được cho vào phong bì niêm phong ký hiệu K2.

- Hoàng Thị L tự lấy trong túi xách giả da màu nâu, quai túi màu trắng sữa 02 gói giấy vệ sinh màu trắng, bên trong mỗi gói đều chứa 01 mảnh viên dạng nén màu đen (một mảnh giấy vệ sinh phai chất màu đen ngấm ở giữa hai mảnh giấy; mảnh giấy vệ sinh còn lại không bị phai chất màu đen) được niêm phong vào phong bì ký hiệu K7.

Ngoài ra còn thu giữ: 01 bật lửa gas màu đỏ; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone của Hoàng Thị T6; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone và 1.000.000 đồng của Phan Văn H3; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone của Hoàng Thị L; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung của Nguyễn Đức T1; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Plus và 1.700.000 đồng của Trần Văn H1; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Promax và 1.000.000 đồng của Nguyễn Thanh T cùng 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS, biển kiểm soát 35A-240.51.

Tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng 02 mảnh viên nén màu đen niêm phong trong phong bì ký hiệu K7, kết quả:

- Mảnh viên dạng nén trong gói giấy vệ sinh bị phai chất màu đen xác định là 0,1590 gam, ký hiệu M1.

- Mảnh viên dạng nén trong gói giấy vệ sinh không bị phai chất màu đen xác định là 0,1815 gam, ký hiệu M2.

Mẫu M1, M2 cùng mẫu ký hiệu K1, K2 niêm phong ban đầu được gửi đi giám định xác định loại ma túy và trọng lượng ma túy.

Tại Kết luận giám định số 462/KL-KTHS-MT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Phòng K5 Công an tỉnh N kết luận:

“- Chất bột màu trắng bám dính trong mẫu gửi giám định ký hiệu K1, K2 đều là ma túy, loại Ketamine. Lượng Ketamine bám dính đều ít, không xác định được khối lượng;

- Mẫu gửi giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,1590 gam, M2 có khối lượng 0,1815 gam, đều là ma túy, loại Methamphetamine, MDMA, Ketamine”.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã tiến hành trưng cầu giám định bổ sung hàm lượng, khối lượng từng chất ma túy Methamphetamine, MDMA, Ketamine trong mẫu gửi giám định ký hiệu M1, M2.

Tại Kết luận giám định số 6214/KL-KTHS ngày 22 tháng 8 năm 2025 của V Bộ C1 kết luận:

- Mẫu gửi giám định 0,1154 gam chất bột màu đen ký hiệu M1; chất ma túy Methamphetamine hàm lượng 9,37% khối lượng 0,010 gam, chất ma túy MDMA hàm lượng 19,28% khối lượng 0,022 gam, chất ma túy Ketamine hàm lượng 1,98% khối lượng 0,002 gam;

- Mẫu gửi giám định 0,1019 gam chất bột màu đen ký hiệu M2; chất ma túy Methamphetamine hàm lượng 11,72% khối lượng 0,011 gam, chất ma túy MDMA hàm lượng 26,54% khối lượng 0,022 gam, chất ma túy Ketamine hàm lượng 1,62% khối lượng 0,001 gam

Methamphetamine là chất ma túy có số thứ tự 247 thuộc bảng Danh mục IIC; Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ;

MDMA là chất ma túy có số thứ tự 11 thuộc bảng Danh mục IB; Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ;

Ketamine là chất ma túy có số thứ tự 40 thuộc bảng Danh mục III; Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ”.

Thời điểm kiểm tra tổ công tác đã tiến hành thu mẫu nước tiểu của Nguyễn Thanh T (ký hiệu T1), Nguyễn Đức T1 (ký hiệu T2), Phan Văn H3 (ký hiệu T3), Hoàng Thị L (ký hiệu T4), Hoàng Thị T6 (ký hiệu T5), Nguyễn Thị

L1 (ký hiệu T6), Quách H (ký hiệu T7), Trần Văn H1 (ký hiệu T8) trong các chai nhựa được niêm phong trong túi niêm phong mã số PS1 24038877 gửi giám định.

Tại Kết luận giám định số 461/KL-KTHS-MT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Phòng K5 Công an tỉnh N kết luận:

- “- Không tìm thấy chất ma túy trong mẫu ký hiệu T1;
- Tìm thấy MDMA và Ketamine trong các mẫu ký hiệu T2, T3, T6;
- Tìm thấy Ketamine trong các mẫu ký hiệu T4, T5, T7, T8”.

Tại Kết luận giám định số 1524/KL-KTHS ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Phòng K5 Công an tỉnh N kết luận : “*Khôi phục, trích xuất được 1194 dữ liệu tin nhắn mạng xã hội Zalo trong điện thoại gửi giám định từ 00 giờ 00 phút đến 12 giờ 00 phút ngày 04/6/2025 (chi tiết dữ liệu trích xuất được thể hiện trong tệp tin dữ liệu gửi kèm theo)*

*** Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ:**

- Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS, biển kiểm soát 35A-240.51 đây là tài sản của Nguyễn Đức T1. Ngày 03/6/2025, Nguyễn Đức T1 điều khiển xe ô tô chở Phan Văn H3 đến quán K4 để hát karaoke, khi đến quán T1 mới nảy sinh ý định sử dụng ma túy. Do đó T1 không sử dụng chiếc xe ô tô này làm phương tiện, công cụ để thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã trả lại cho Nguyễn Đức T1, T1 đã uỷ quyền cho chị Nguyễn Thị D1, sinh năm 1982, trú tại: phố T, phường H, tỉnh Ninh Bình là vợ của Nguyễn Đức T1 nhận lại chiếc xe ô tô trên.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động và số tiền 1.000.000 đồng do Phan Văn H3 giao nộp ; 03 chiếc điện thoại di động thu giữ của Hoàng Thị T6, Quách H, Nguyễn Thị L1 không liên quan đến vụ án. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã trả lại cho những chủ sở hữu trên.

Quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 56/CT-VKSKV4 ngày 09 tháng 02 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về các tội “Mua bán trái phép chất ma túy và Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 256 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Văn H1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, q khoản 2, khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Đức T1, Hoàng Thị L về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại các điểm b, c khoản 2, khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm các tội “Mua bán trái phép chất ma túy và Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Bị cáo Trần Văn H1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Các bị cáo Nguyễn Đức T1, Hoàng Thị L phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung của 02 tội là từ 14 đến 15 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 05/6/2025. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng các điểm b, q khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn H1 từ 07 năm 06 tháng đến 07 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 05/6/2025. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T1 từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 05/6/2025.

- Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 255; các điểm s, n khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị L từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 05/6/2025 đến ngày 13/6/2025)

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: áp dụng các điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: một phong bì niêm phong theo quy định. Trên mặt phong bì ghi “Mẫu vật hoàn trả gồm: 02 túi nilon, toàn bộ vỏ bao gói niêm phong”; một túi niêm phong mã số PS1 23010151, mặt sau túi ghi mẫu vật hoàn trả gồm: 01 (một) đĩa sứ hình tròn, màu trắng; 01 thẻ nhựa màu xanh (thẻ sim

Vinaphone), toàn bộ vỏ bao gói niêm phong; một phong bì niêm phong của V Bộ C1, trên mặt phong bì ghi: MẪU VẬT HOÀN TRẢ SAU GIÁM ĐỊNH; một phong bì niêm phong theo quy định của pháp luật, trên mặt phong bì ghi “Vật chứng còn lại, ký hiệu B”;

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng có trong một túi niêm phong mã số PS1 23010151 và số tiền 2.700.000 đồng; 01 Iphone 14 Plus thu giữ của Trần Văn H1; 01 Iphone 14 Promax, lắp sim số 0961.060.010 thu giữ của Hoàng Thị L trong một phong bì niêm phong theo quy định của pháp luật, trên mặt phong bì ghi, ký hiệu TL; 01 Iphone 15 Promax, lắp sim số 0972.695.797 thu giữ của Nguyễn Thanh T;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức T1: 01 điện thoại Samsung Galaxy A54 5G, lắp sim số 0868.329.777.

Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án các bị cáo Nguyễn Thanh T, Trần Văn H1, Nguyễn Đức T1, Hoàng Thị L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thanh T, Trần Văn H1, Nguyễn Đức T1, Hoàng Thị L đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên.

Lời nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của chính bị cáo, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng. Hành vi của các bị cáo còn được chứng minh bằng biên bản bắt sự việc do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N lập ngày 04/6/2025 (BL 01-03); biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ (BL 04-05); biên bản mở niêm phong, cân xác định khối lượng và niêm phong vật chứng (BL 06); biên bản xét nghiệm bằng Test phát hiện nhanh ma túy trong nước tiểu (BL 274, 339, 493); các Kết luận giám định

số 461, 462/KL-KTHS-MT ngày 12 tháng 6 năm 2025; Kết luận giám định số 1524/KL-KTHS ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Phòng K5 Công an tỉnh N (BL 38, 43, 89); Kết luận giám định số 6214/KL-KTHS ngày 22 tháng 8 năm 2025 của V Bộ C1 (BL 65); biên bản mở niêm phong kiểm tra điện thoại và niêm phong lại (BL 275 -276; 395 ; 491-492) và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định: Tối ngày 03/6/2025 rạng sáng ngày 04/6/2025 tại quán K4 có địa chỉ tại xóm A, xã K, tỉnh Ninh Bình. Nguyễn Thanh T là quản lý của quán đã cho phép Phan Văn H3, Nguyễn Đức T1, Hoàng Thị L và Quách Huyền D2, sinh ngày 04/11/2008 (tại thời điểm đó D2 16 tuổi 07 tháng) sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát VIP 203 của quán K4 do T quản lý. Cũng trong thời gian này Trần Văn H1 đã 02 lần bán ma túy cho Nguyễn Thanh T thu lợi bất chính số tiền 1.700.000 đồng. Sau khi mua được ma túy của Trần Văn H1, Nguyễn Thanh T đã 02 lần bán lại số ma túy trên cho Nguyễn Đức T1 thì T1 mới trả được số tiền 1.000.000 đồng cho T.

Khoảng từ 22 giờ 30 phút 03/6/2025 đến 02 giờ ngày 04/6/2025 tại phòng hát VIP 203 của quán K4, Nguyễn Đức T1 đã mua các loại ma túy Ketamine, MDMA, Methamphetamine của Nguyễn Thanh T mang vào phòng hát để cho Phan Văn H3, Quách Huyền D2, sinh ngày 04/11/2008, Hoàng Thị L sử dụng trái phép chất ma túy. Hoàng Thị L đã có hành vi chuẩn bị công cụ để sử dụng trái phép chất ma túy như thè, ống hút và trực tiếp hơ nóng đĩa ma túy “xào”, “kè” ma túy để Nguyễn Đức T1, Phan Văn H3, Quách Huyền D2, Hoàng Thị L, Hoàng Thị T6 sử dụng trái phép chất ma túy. Hồi 02 giờ 10 phút ngày 04/6/2025, tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh N phối hợp với Công an xã K vào kiểm tra quán K4 kiểm tra và phát hiện hành vi vi phạm của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh T đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp “Đối với 02 người trở lên” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo Trần Văn H1 đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo đang có 01 tiền án theo quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 25/3/2020 Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hoà chưa được xoá án tích. Tại bản án này xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện trở thành công dân có ích cho

xã hội mà lại phạm tội mới với lỗi cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” và “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại các điểm b, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Đức T1 và Hoàng Thị L đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp “Đối với 02 người trở lên và Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi” quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Điều 251 của Bộ luật Hình sự: **Tội mua bán trái phép chất ma túy**

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a)
- b) Phạm tội 02 lần trở lên;
.....;
- q) Tái phạm nguy hiểm.
.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Điều 255 của Bộ luật Hình sự: **Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy**

“1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a)
- b) Đối với 02 người trở lên
- c) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi;
.....;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Điều 256 của Bộ luật hình sự: **Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.**

1. Người nào cho thuê, cho mượn địa điểm hoặc có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 255 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a)

.....;

d) Đối với 02 người trở lên;

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình truy tố các bị cáo theo các tội danh như các điều luật đã viện dẫn ở trên là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2] Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo Nguyễn Thanh T, Trần Văn H1 biết ma túy bị Nhà nước cấm tàng trữ nhưng vì háms lợi nên các bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Bị cáo Nguyễn Thanh T đã đồng ý cho bị cáo Nguyễn Đức T1 sử dụng địa điểm do mình có trách nhiệm quản lý để bị cáo T1 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo Nguyễn Đức T1, Hoàng Thị L đã đưa chất ma túy loại Methamphetaimine, MDMA, Ketamine vào cơ thể của người khác là trái phép. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, tác động rất xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội. Ma túy là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, làm ảnh hưởng đến sức khỏe, trí tuệ và sự phát triển bình thường của giống nòi, làm khánh kiệt về kinh tế của người sử dụng ma túy, gây nên sự bất bình trong quần chúng nhân dân. Trong lúc Nhà nước đã và đang có nhiều biện pháp kiên quyết đấu tranh phòng chống ma túy, đáng lẽ với trách nhiệm của một công dân, các bị cáo phải tham gia đấu tranh chống các tệ nạn và tội phạm về ma túy góp phần ổn định trật tự an toàn xã hội. Nhưng các bị cáo đã bất chấp pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý.

[3] Vụ án có 04 bị cáo tham gia phạm tội có tính chất giản đơn trong đó bị cáo Nguyễn Đức T1 là người khởi xướng, chủ động mua ma túy của Nguyễn Thanh T để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên bị cáo giữ vai trò đầu vụ. Bị cáo Hoàng Thị L là người giúp sức trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên có vai trò sau bị cáo T1. Bị cáo Nguyễn Thanh T và Trần Văn H1 có vai trò ngang nhau trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của

các bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: 04 bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo T, T1, L có nhân thân tốt, quá trình điều tra, truy tố, xét xử 04 bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Hoàng Thị L quá trình điều tra, truy tố đang có thai là tình tiết giảm nhẹ hình sự “người phạm tội là phụ nữ có thai” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được xem xét áp dụng cho bị cáo L. Bị cáo Nguyễn Thanh T hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã từng đi nghĩa vụ quân sự tại Học viện H5, có ông nội là Nguyễn Văn T7 là liệt sỹ, được tặng Huân chương chiến công giải phóng hạng Ba, Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cáo Nguyễn Đức T1 trong quá trình công tác được tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” các năm 2021, 2022, 2023; được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tặng Giấy khen có thành tích trong phong trào thi đua của huyện Y năm 2022, 2023; bố bị cáo ông Nguyễn Hữu T2 được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba, mẹ bị cáo bà Phạm Thị Kim T3 được tặng huy hiệu 40 năm tuổi đảng; ông ngoại bị cáo là ông Phạm Xuân T8 được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, hạng Nhì, được tặng Huy hiệu 40, 55, 60, 65 năm tuổi đảng; bà ngoại bị cáo là bà Phạm Thị L2 được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì có xác nhận của chính quyền địa phương là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được xem xét áp dụng cho bị cáo T, bị cáo T1.

- Bị cáo Trần Văn H1 có nhân thân xấu đã từng bị xét xử nhiều lần về các tội “Trộm cắp tài sản, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[5] Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo và đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Đối với các bị cáo T và H1 phạm tội vì mục đích vụ lợi nên cần phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Đối với tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” do bị cáo T không vì mục đích vụ lợi nên không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 256 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo T1, L phạm tội không vì mục đích vụ lợi nên không áp dụng hình phạt bổ sung

với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Đối với một phong bì niêm phong theo quy định. Trên mặt phong bì ghi “Mẫu vật hoàn trả gồm: 02 túi nilon, toàn bộ vỏ bao gói niêm phong”; một túi niêm phong mã số PS1 23010151, mặt sau túi ghi mẫu vật hoàn trả gồm: 01 (một) đĩa sứ hình tròn, màu trắng; 01 thẻ nhựa màu xanh (thẻ sim Vinaphone), toàn bộ vỏ bao gói niêm phong; một phong bì niêm phong của V Bộ C1, trên mặt phong bì ghi: MẪU VẬT HOÀN TRẢ SAU GIÁM ĐỊNH; một phong bì niêm phong theo quy định của pháp luật, trên mặt phong bì ghi “Vật chứng còn lại, ký hiệu B”. Xét ma túy là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các vật chứng còn lại là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và không có giá trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với tờ tiền 10.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, lắp sim số 0961.060.010 thu giữ của Hoàng Thị L trong một phong bì niêm phong theo quy định của pháp luật, trên mặt phong bì ghi, ký hiệu TL; 01 điện thoại Iphone 15 Promax, lắp sim số 0972.695.797 thu giữ của Nguyễn Thanh T; 01 điện thoại Iphone 14 Plus thu giữ của Trần Văn H1. Đây là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội và số tiền 2.700.000 đồng là do phạm tội mà có. Căn cứ quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

+ Đối với 01 điện thoại Samsung Galaxy A54 5G, lắp sim số 0868.329.777 thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức T1. Xét vật chứng trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định tại a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần trả lại cho bị cáo.

[8] Về một số tình tiết liên quan đến vụ án:

- Đối với Nguyễn Thị L1 vào đêm ngày 03/6/2025 rạng sáng ngày 04/6/2025, Là vào phòng VIP 203 phục vụ. Quá trình phục vụ Là không sử dụng các chất ma túy và không có hành vi nào giúp sức để các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy nên không có căn cứ xử lý. Cơ quan điều tra đã thông báo đến chính quyền địa phương nơi Là cư trú để quản lý Là theo quy định của pháp luật.

- Đối với Phan Văn H3 và Hoàng Thị T6 quá trình hát karaoke tại phòng VIP 203, H3 và T6 có sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không tham gia vào

việc cung cấp trái phép chất ma túy, chuẩn bị công cụ, phương tiện sử dụng chất ma túy hay giúp sức để người khác sử dụng trái phép chất ma túy. Cơ quan điều tra đã chuyển phần tài liệu liên quan đến Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm ma túy Công an tỉnh N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Phan Văn H3, Hoàng Thị T6 về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng cháy và chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phòng chống bạo lực gia đình.

- Đối với Quách Huyền D2 quá trình điều tra xác định: đêm ngày 03/6/2025 rạng sáng ngày 04/6/2025, D2 vào phòng VIP 203 phục vụ được T1 cho ½ viên ma túy Kẹo để sử dụng. Do chưa sử dụng nên D2 đưa cho L giữ hộ để lát nữa D2 sử dụng sau tuy nhiên quá trình phục vụ D2 bị yêu cầu thay nên chưa kịp sử dụng. Trong phòng D2 không tham gia vào việc cung cấp ma túy, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện sử dụng ma túy. Mặt khác viên ma túy D2 đưa cho L nhờ giữ hộ qua giám định có khối lượng gồm: 0,021 gam ma túy Methamphetamine; 0,048 gam ma túy MDMA; 0,002 gam ma túy Ketamine nên không đủ căn cứ xử lý hình sự đối với Quách Huyền D2 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tuy nhiên quá trình phục vụ khách tại phòng D2 đã sử dụng ma túy Ketamine. Cơ quan điều tra đã chuyển phần tài liệu liên quan đến Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm ma túy Công an tỉnh N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Quách Huyền D2 về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1, khoản 2 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng cháy và chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phòng chống bạo lực gia đình.

- Đối với cơ sở kinh doanh K4 do Trần Hải D3 là chủ cơ sở đăng ký kinh doanh. D3 đã thuê Nguyễn Thanh T làm lễ tân để quản lý, bố trí sắp xếp phòng cho khách, thanh toán, thu tiền của khách ca làm từ 18 giờ hàng ngày đến khi hết khách thuê. D3 quán triệt với nhân viên lễ tân và nhân viên nữ là không được cho khách lợi dụng thuê phòng để sử dụng ma túy, nhân viên đi phục vụ khách cũng không được sử dụng ma túy cùng khách. Đêm ngày 03/6/2025 rạng sáng ngày 04/6/2025, Nguyễn Đức T1 thuê phòng VIP 203 của quán K4 để sử dụng trái phép chất ma túy và bán ma túy cho T1 thì D3 không có mặt tại quán vào thời gian đó, D3 cũng không biết, không tham gia vào các hành vi vi phạm của các đối tượng nên không có căn cứ để xử lý D3 về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 256 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi nêu trên của D3 đã vi phạm điểm a khoản 4 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng cháy và chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phòng chống bạo lực gia đình. Cơ quan điều tra đã chuyển phần tài liệu liên quan đến Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm ma túy Công an tỉnh N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần Hải D3 theo điều khoản đã viện dẫn ở trên.

- Về nguồn gốc ma túy: Đối với 02 viên ma túy Kẹo mà Nguyễn Thanh T bán cho Nguyễn Đức T1. T khai của một người tên H4 cho, T không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người này và không nhớ thời gian, địa điểm H4 cho ma túy nên không đủ cơ sở xác minh.

- Đối với 02 chỉ ma túy Ke mà Trần Văn H1 bán cho Nguyễn Thanh T sau đó T bán cho T1. H1 khai mua của một người nam giới tên K3 có đặc điểm cao 1m70, tầm 30 tuổi hay đứng ở khu vực đường vành đai thuộc xã K, tỉnh Ninh Bình, H1 không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này. Cơ quan điều tra phối hợp với Công an xã K, tỉnh Ninh Bình tiến hành xác minh người nam giới bán ma túy cho H1 và rà soát hệ thống camera an ninh của Công an xã, hệ thống camera an ninh của các hộ dân xung quanh khu vực trên. Kết quả hệ thống camera an ninh của Công an xã K đã bị hỏng từ lâu nên không lưu giữ nội dung gì trên hệ thống, hệ thống camera an ninh của các hộ dân chỉ hướng vào trong nhà mình không có camera nào hướng ra đường. Do vậy Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để điều tra làm rõ, xử lý đối với người nam giới tên K3 như H1 khai.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thanh T, Trần Văn H1, Nguyễn Đức T1, Hoàng Thị L bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thanh T;

Căn cứ các điểm b, q khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn H1;

Căn cứ các điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức T1;

Căn cứ các điểm b, c khoản 2 Điều 255; các điểm s, n khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Thị L;

Căn cứ các điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ các điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh T phạm các tội “Mua bán trái phép chất ma túy và Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo Trần Văn H1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Nguyễn Đức T1 và Hoàng Thị L phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt:

1.1 Bị cáo Nguyễn Thanh T 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 07 (bảy) năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung của 02 tội là 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 05/6/2025. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 5.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1.2 Bị cáo Trần Văn H1 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 05/6/2025. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 5.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

1.3 Bị cáo Nguyễn Đức T1 07 (bảy) năm 04 (bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 05/6/2025.

1.4 Bị cáo Hoàng Thị L 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 05/6/2025 đến ngày 13/6/2025)

2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: một phong bì niêm phong theo quy định. Trên mặt phong bì ghi “Mẫu vật hoàn trả gồm: 02 túi nilon, toàn bộ vỏ bao gói niêm

phong”; một túi niêm phong mã số PS1 23010151, mặt sau túi ghi mẫu vật hoàn trả gồm: 01 (một) đĩa sứ hình tròn, màu trắng; 01 thẻ nhựa màu xanh (thẻ sim Vinaphone), toàn bộ vỏ bao gói niêm phong; một phong bì niêm phong của V Bộ C1, trên mặt phong bì ghi: MẪU VẬT HOÀN TRẢ SAU GIÁM ĐỊNH; một phong bì niêm phong theo quy định của pháp luật, trên mặt phong bì ghi “Vật chứng còn lại, ký hiệu B”;

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng có trong một túi niêm phong mã số PS1 23010151 và số tiền 2.700.000 đồng; 01 Iphone 14 Plus thu giữ của Trần Văn H1; 01 Iphone 14 Promax, lắp sim số 0961.060.010 thu giữ của Hoàng Thị L trong một phong bì niêm phong theo quy định của pháp luật, trên mặt phong bì ghi, ký hiệu TL; 01 Iphone 15 Promax, lắp sim số 0972.695.797 thu giữ của Nguyễn Thanh T;

(Số tiền 2.700.000 đồng hiện đang có tại tài khoản số 3949.0.1054125.00000 hành án dân sự tỉnh Ninh Bình theo Ủy nhiệm chi ngày 09/3/2026 của Công an tỉnh N)

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức T1: 01 điện thoại Samsung Galaxy A54 5G, lắp sim số 0868.329.777.

(Chi tiết như biên bản giao vật chứng ngày 11/02/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, tỉnh Ninh Bình).

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thanh T, Trần Văn H1, Nguyễn Đức T1, Hoàng Thị L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/3/2026). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
- VKSND tỉnh Ninh Bình: 01 bản;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND khu vực 4 - Ninh Bình: 03 bản;
 - Phòng PC04 Công an tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
 - Cơ quan THAHS Công an tỉnh: 01 bản;
 - Phòng HS&NV CA tỉnh: 01 bản;
 - Trại tạm giam số 1 CA tỉnh: 03 bản;
 - Ủy ban kiểm tra đảng ủy Sở NN và MT tỉnh Ninh Bình;
 - Bị cáo: 04 bản;
 - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: 04 bản;
 - Lưu hồ sơ: 02 bản;
 - Lưu tòa, HCTP: 03 bản;
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

(Đã ký)

Trịnh Thị Hoài Thu